

Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam

Đinh Văn Toàn *

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Tóm tắt

Hợp tác giữa đại học - doanh nghiệp là xu hướng phổ biến trên thế giới. Nó có tác động tích cực tới hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển trong đại học và khai thác tối ưu nguồn lực của các bên. Dựa trên các luận chứng lý thuyết, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế và phân tích thực tế một số trường hợp trong nước, bài viết chỉ ra các hạn chế, nguyên nhân chủ quan từ hai phía, các rào cản từ cơ chế quản lý và chính sách của Nhà nước. Đồng thời, bài viết đưa ra gợi ý về những giải pháp và kiến nghị tháo gỡ các rào cản nhằm thúc đẩy hợp tác, tăng hiệu quả hoạt động của các đại học ở Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nhận ngày 16 tháng 8 năm 2016, Chính sửa ngày 3 tháng 12 năm 2016, Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 12 năm 2016

Từ khóa: Hợp tác đại học - doanh nghiệp, Việt Nam.

1. Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới

Ý tưởng liên kết, hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp được đề xướng bởi nhà triết học Đức Wilhelm Humboldt. Theo ông, trường đại học ngoài chức năng đào tạo phải có chức năng nghiên cứu và hợp tác với các ngành công nghiệp. Năm 1810, ông sáng lập Trường Đại học Berlin với điểm khác biệt so với các trường đại học khi đó là chuyển trọng tâm sang nghiên cứu hỗ trợ hoạt động đào tạo, đặc biệt phát triển các lĩnh vực công nghệ phục vụ cho mục đích dân sự và mục đích quân sự, góp phần đưa nước Đức trở thành quốc gia hùng mạnh nhất thế giới.

Hợp tác đại học - doanh nghiệp được hiểu như sự tương tác, giao dịch giữa cơ sở giáo dục đại học với các doanh nghiệp để mang lại lợi ích cho các bên. Tổng kết từ các nghiên cứu

trên 3.000 trường đại học về nội hàm và các phương thức hợp tác, hợp tác đại học - doanh nghiệp được định nghĩa phù hợp với thời đại hiện nay và được Ủy ban Châu Âu chấp nhận. Theo đó, hợp tác này là tất cả các tương tác trực tiếp hay gián tiếp, cá nhân hay không mang tính cá nhân giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích cho các bên, bao gồm: hợp tác trong nghiên cứu và phát triển (R&D), trao đổi nhân sự (học giả, sinh viên và chuyên gia), thương mại hóa kết quả R&D, xây dựng và phổ biến chương trình đào tạo, học tập suốt đời, phát triển doanh nghiệp và quản trị [1]. Do vậy, các hợp tác này còn được coi là sự hợp tác giữa hai mảng học thuật và sản xuất kinh doanh.

Khi công nghệ ngày càng đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế thì hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp ngày càng trở thành xu hướng mới. Tại các quốc gia phát triển, hầu hết những cái tiến công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế đều liên liên quan tới các

*ĐT.: 84-912102099

Email: dinhvantoan@vnu.edu.vn

trường đại học thông qua các hoạt động chia sẻ tri thức, R&D và chuyển giao công nghệ, vai trò của các trường đại học đối với doanh nghiệp tiếp tục được đề cao. Chính phủ luôn đóng vai trò quan trọng trong tạo dựng môi trường pháp luật và các chính sách, hình thành liên kết 3 bên: chính phủ - trường đại học - doanh nghiệp. Trong nghiên cứu này, các khía cạnh liên quan đại học và doanh nghiệp là chủ thể chính của sự liên kết này được tập trung khảo sát.

Trên thế giới, hợp tác đại học - doanh nghiệp được thể hiện ở nhiều hình thức và mức độ. Mức thấp và phổ biến là: tiếp nhận sinh viên đến thực tập, tham quan thực tế, hỗ trợ chi phí và thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập. Các mức cao hơn là: trao đổi chuyên gia, chia sẻ tri thức, công nghệ; đầu tư cho nghiên cứu, triển khai đề cửng sở hữu và chuyển giao công nghệ; cùng đầu tư phát triển doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho xã hội (Bảng 1). Hợp tác đại học - doanh nghiệp mang tính phức hợp, hội nhập giữa các bên, do vậy ít dựa trên cơ sở thu lợi trước mắt về tài chính mà thường mang tính dài hạn, đặc biệt nó liên quan mật thiết với tư duy, thái độ và sự sẵn sàng của các bên [1-3]. Các kết quả nghiên cứu và thực tế cho thấy có những khó khăn, rào cản đến từ các bên: hạn chế về nhận thức, thông tin, sự hiểu biết và niềm tin; hạn chế về nguồn lực triển khai, đặc biệt là vốn đầu tư ban đầu cho các hợp tác; cơ chế và quy trình trong phối hợp của các bên. Ngoài ra, các rào cản còn do khung pháp lý và các chính sách liên quan của chính phủ thiếu đồng bộ, chưa khuyến khích các hoạt động hợp tác.

1.1. Vai trò của các bên trong thúc đẩy hợp tác

Chính phủ ở các nước, đặc biệt là các nước phát triển quan tâm hoạch định các chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học và tạo lập liên kết giữa các trường đại học với các ngành công nghiệp gắn với chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chiến lược đổi mới công nghệ. Trong đó, các chính sách hỗ trợ đầu tư và khuyến khích hoạt động R&D và chuyển giao, thương mại hóa kết

quả nghiên cứu ở các lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên trở thành yếu tố quan trọng.

Ngoài một số quốc gia ở châu Âu như Đức, Italia, Thụy Điển, từ những năm 1990, Chính phủ Anh đã bắt đầu có những bước đi thiết thực nhằm khuyến khích sự hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp. Tiêu biểu là việc thành lập cơ quan chuyên trách về sáng tạo, đại học và phát triển, các tổ chức như quỹ đổi mới giáo dục đại học và các hội đồng về nghiên cứu để hỗ trợ về vốn và cơ chế cho các hoạt động này [7]. Ở châu Á, vào thập niên 1990, Singapore đón trước yêu cầu phát triển kinh tế dựa trên sáng tạo, đã có các chính sách, cơ chế quản lý thiết thực từ việc xây dựng văn hóa tương tác giữa đại học - doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp trong trường đại học, bắt đầu từ hai đại học đứng đầu châu Á là Đại học Quốc gia Singapore và Đại học Kỹ thuật Na Yang [8]. Trong đó, khung khổ pháp lý và các chính sách đột phá tập trung ở các khâu: quản lý quyền sở hữu trí tuệ, cấp phép, chuyển giao công nghệ, đảm bảo nguồn lực tài chính, ưu đãi thuế... để thúc đẩy khởi nghiệp và hợp tác giữa đại học - doanh nghiệp.

Nhìn chung, tùy bối cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa của mỗi nước, hệ thống chính sách và các giải pháp nhằm thúc đẩy hợp tác đại học - doanh nghiệp có các đặc thù khác nhau, nhưng nhà nước đều đóng vai trò "bà đỡ", tạo khung khổ pháp lý và các hỗ trợ, xúc tác về chính sách và cơ chế thực hiện. Nhà nước đảm bảo mối liên kết giữa ba bên: chính phủ - đại học - doanh nghiệp luôn bền chặt, tương tác để phát triển.

Các doanh nghiệp có vai trò quyết định trong tạo lập các liên kết và đưa các hạt động hợp tác cụ thể từ liên kết đó vào thực tiễn hoạt động. Trước hết là phổ biến nâng cao nhận thức, coi hợp tác với đại học là phương tiện góp phần phát triển doanh nghiệp, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng mối liên kết lâu dài để chia sẻ và phát triển tri thức, công nghệ mới. Doanh nghiệp cũng có vai trò trong xây dựng các chính sách, tiến hành các biện pháp thích hợp trong triển khai các mục tiêu của các liên kết.

Bảng 1. Các hình thức hợp tác đại học - doanh nghiệp ở một số quốc gia

STT	Hình thức hợp tác	Khu vực châu Âu				Khu vực châu Á			Australia
		Anh	Đức	Italia	Thụy Điển	Trung Quốc	Singapore	Nhật Bản	
1	Doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên đến thực tập, thực tế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2	Doanh nghiệp cung cấp thiết bị công nghệ, hỗ trợ kinh phí phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập cho trường đại học	✓	✓					✓	✓
3	Tuyển các nhà khoa học từ đại học vào làm tại doanh nghiệp theo thời hạn			✓				✓	
4	Doanh nghiệp tham gia hội đồng tư vấn chuyên môn trong trường đại học						✓	✓	✓
5	Khai thác giá trị thương mại từ các nghiên cứu theo các hợp đồng chuyển giao công nghệ	✓			✓		✓	✓	✓
6	Xây dựng công viên khoa học công nghệ			✓	✓	✓			
7	Trường thành lập các công ty (sở hữu một phần hoặc toàn bộ) để đầu tư nghiên cứu, thí nghiệm, sản xuất thử	✓					✓	✓	
8	Trường xây dựng trung tâm ươm tạo doanh nghiệp		✓		✓	✓	✓		

Nguồn: [4-6] và tác giả tổng hợp.

Các tập đoàn và doanh nghiệp lớn trên thế giới thường quan tâm và có chiến lược trong R&D, đổi mới sáng tạo. Để thực hiện các chiến lược này, doanh nghiệp thường lên kết với các đại học có năng lực nghiên cứu để kết hợp giữa nghiên cứu và triển khai. Một trong những doanh nghiệp lớn đã chủ động đầu tư vào R&D phối hợp cùng với các trường đại học từ rất sớm là Công ty IBM. Ngay từ năm 1956, phòng thí nghiệm Zurich đã được thành lập, trực tiếp tổ

chức và tham gia vào rất nhiều dự án hợp tác với các trường đại học trong toàn châu Âu. Năm 2011, IBM cùng Viện Công nghệ Liên bang Thụy Sĩ thành lập Trung tâm “Binnig and Rohrer Nanotechnology” với mục tiêu nghiên cứu về cấu trúc Nano để phát triển công nghệ năng lượng và công nghệ thông tin [4].

Đối với các trường đại học, môi trường cạnh tranh, hội nhập và tốc độ phát triển mạnh mẽ của công nghệ đã thúc ép các trường đại học

phải thay đổi tổ chức và các hoạt động quản trị đại học hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu của xã hội và hợp tác với doanh nghiệp. Ngoài sứ mệnh đào tạo nhân lực chất lượng cao, các trường đại học phải quan tâm thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu, các phát minh sáng chế. Do vậy, vai trò của các đại học ngày càng trở nên quan trọng trong việc kết nối với doanh nhân, các tổ chức và các ngành công nghiệp để thực hiện mục tiêu này.

Các nhà giáo dục truyền thống cho rằng quá đề cao mục tiêu thương mại hóa sẽ làm giảm sút chất lượng giáo dục và thứ hạng của các trường đại học. Tuy nhiên, thực tế lại cho thấy hầu hết các trường đại học có uy tín về đào tạo lại là những cơ sở dẫn đầu trong hoạt động nghiên cứu, chuyên giao công nghệ với doanh nghiệp. Kết quả khảo sát 3.000 đại học ở châu Âu cho thấy tỷ lệ cao nhất trong số người được hỏi (48%) cho rằng động lực mạnh nhất để các đại học tăng cường hợp tác với doanh nghiệp là tăng nguồn kinh phí cho các hoạt động, sau đó là hỗ trợ các phương tiện phục vụ hoạt động học thuật và nghiên cứu [1]. Hợp tác đại học - doanh nghiệp có xu hướng được mở rộng tại các đại học, thậm chí còn là quá trình cạnh tranh giữa các trường đại học trong việc thu hút sinh viên, nguồn lực nghiên cứu, nhân lực cho nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp.

Nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Kinh doanh thuộc Trường Đại học Münster University of Applied Sciences, Đức (2011) cho thấy: Trong vài thập kỷ qua, sự quan tâm của các nhà xây dựng chính sách có sự chuyển dịch mạnh mẽ về phía các đại học, coi đại học có sứ mạng quan trọng trong hợp tác thông qua sáng tạo, chuyên giao và trao đổi tri thức và công nghệ mới. Những năm gần đây, phương thức để các đại học đóng góp cho xã hội không chỉ bao gồm các hoạt động học tập suốt đời, phát triển doanh nghiệp hay trao đổi nhân sự với doanh nghiệp, mà còn là sự khai thác triệt để vai trò này của đại học trong hợp tác với doanh nghiệp [1]. Để thực hiện nhiệm vụ này, cũng như doanh nghiệp, các đại học có vai trò phổ biến nhằm tăng cường nhận thức về hợp tác với doanh nghiệp, thiết lập quan hệ và

xây dựng chiến lược hợp tác lâu dài với doanh nghiệp. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích tăng cường trao đổi và cơ chế phù hợp trong quản lý, điều phối thực hiện.

1.2. Lợi ích và động lực hợp tác hai bên: nhà trường và doanh nghiệp

Tri thức và công nghệ là những yếu tố quan trọng cho phát triển, do vậy doanh nghiệp cần không ngừng cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất - kinh doanh và quản trị nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất. Các doanh nghiệp phải tìm kiếm những phát minh, sáng chế, những sản phẩm khoa học công nghệ có tính khả thi để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và phát triển bền vững [9]. Các trường đại học với vai trò là trung tâm nghiên cứu thường sở hữu các kết quả nghiên cứu, tri thức và công nghệ mới chính là nơi mà các doanh nghiệp cần.

Nghiên cứu về hợp tác đại học - doanh nghiệp trong R&D, Trần Anh Tài và Trần Văn Tùng (2009) cho rằng hoạt động này thường được thực hiện bởi các doanh nghiệp lớn; các doanh nghiệp nhỏ chỉ đầu tư một lượng vốn nhỏ cho hoạt động nghiên cứu mà tập trung vào hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ tư vấn hoặc một số phòng thí nghiệm quy mô nhỏ. Do vậy, với mục đích giảm chi phí nghiên cứu, mở rộng phạm vi hoạt động, mở ra nhiều hướng phát triển công nghệ, các công ty hợp tác với các đại học để tiếp nhận đổi mới công nghệ, đi đầu trong R&D hoặc giải quyết các bài toán về công nghệ, môi trường mà thực tiễn đặt ra với khoảng thời gian ngắn, chi phí hợp lý, đội ngũ chuyên gia giỏi [10].

Thông qua hợp tác với trường đại học, ngoài việc giúp doanh nghiệp quảng bá tên tuổi, thương hiệu (thông qua tài trợ học bổng và cơ sở vật chất), cơ hội tuyển chọn được nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh, thì lợi ích còn là doanh thu từ thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn và mang tính chiến lược là khả năng cạnh tranh cao và sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp khi phát triển sản xuất - kinh doanh dựa vào tri thức, công nghệ mới và

các bí quyết riêng từ hợp tác nghiên cứu với nhà khoa học và quản lý có trình độ cao từ các đại học.

Đối với đại học, hợp tác sẽ thúc đẩy và nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu, khẳng định giá trị của công trình khoa học, nâng cao uy tín và thương hiệu của nhà trường. Các công trình nghiên cứu sẽ có môi trường thực tế để đối chiếu, kiểm nghiệm nên tính ứng dụng trong sản xuất ngày càng nhiều hơn. Hợp tác với doanh nghiệp còn là phương thức để các đại học huy động các nguồn lực phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nghiên cứu viên thông qua các hoạt động hợp tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm.

Thông qua hợp tác với doanh nghiệp, các trường đại học có điều kiện để đổi mới cơ cấu tổ chức và quản lý theo hướng hiệu quả; điều chỉnh, cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp - nhà truyền dựng. Thực tiễn cho thấy: người học luôn muốn được học tập ở những trường đại học có mối liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để tăng khả năng có việc làm sau khi tốt nghiệp; các đại học có cơ chế và tổ chức theo hướng doanh nghiệp cũng có cơ hội tốt hơn trong việc cập nhật phương pháp dạy học tiên tiến.

Trường đại học là nơi tập hợp đội ngũ các nhà khoa học hàng đầu, trong khi doanh nghiệp có thể mạnh trong nắm bắt thị trường, đầu tư và triển khai thương mại hóa để chuyển giao công nghệ và các kết quả nghiên cứu. Do vậy, hợp tác đại học - doanh nghiệp được coi là mô hình kết hợp nghiên cứu và sản xuất - kinh doanh thành công trong xu hướng phát triển kinh tế hiện nay. Sản phẩm cuối cùng của quá trình hợp tác được hai bên cùng chia sẻ về lợi ích. Trong quá trình hợp tác này, doanh nghiệp có lợi từ việc hình thành các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao [11], đồng thời sẽ là động lực lớn thúc đẩy các nhà khoa học, đơn vị và nhóm nghiên cứu đại học trong hoạt động R&D và phục vụ tốt hơn đào tạo nhân lực. Rohrberck và Arnold (2006) khi nghiên cứu hợp tác đại học - doanh nghiệp đã chỉ ra các lợi ích cơ bản và động lực

giữa các bên dẫn đến nhu cầu tất yếu trong hợp tác này (Bảng 2).

Bảng 2. Động lực cho hợp tác đại học - doanh nghiệp

Trường đại học	Doanh nghiệp
Đẩy mạnh hoạt động giảng dạy	Tìm kiếm nguồn công nghệ hiện đại
Tăng nguồn tài chính/tài trợ	Sử dụng phòng thí nghiệm
Nguồn tri thức và dữ liệu kiểm chứng	Nguồn nhân lực/tiết kiệm chi phí
Áp lực chính trị	Chia sẻ rủi ro trong nghiên cứu cơ bản
Tăng cường uy tín	Ổn định các dự án nghiên cứu dài hạn
Cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp	Kênh tuyển dụng

Nguồn: Rohrberck và Arnold (2006) [12]

2. Hợp tác đại học - doanh nghiệp ở Việt Nam

Ở Việt Nam, hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước quan tâm từ hai thập niên trở lại đây. Các văn bản tuyên bố chủ trương và chỉ đạo khẳng định: Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyên gia và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống; thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội (chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020); coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học công nghệ (Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Trung ương Đảng khóa XI)... So với thế giới, đặc biệt là các quốc gia châu Âu và Mỹ thì đổi mới về vấn đề này ở Việt Nam rất chậm, đặc biệt các chính sách, cơ chế và giải pháp thực thi trong thực tiễn từ Chính phủ và các Bộ, ngành còn thiếu đồng bộ.

Kết quả nghiên cứu tại 8 cơ sở giáo dục bậc đại học tham gia Dự án “Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng” do Bộ Giáo

dục và Đào tạo triển khai (POHE) cho thấy: Hoạt động hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp là chưa nhiều. Phần lớn các trường chủ yếu chỉ thiết lập mạng lưới khoảng 10 đối tác chiến lược. Duy nhất có Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thiết lập được hợp tác mang tính chiến lược với 120 doanh nghiệp. Các trường đại học khác có số lượng các doanh nghiệp hợp tác ngắn hạn, không thường xuyên và có ít doanh nghiệp đối tác như: Đại học Nông Lâm thuộc Đại học Huế; Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên có từ 20 đến 40 đối tác; đặc biệt ở nhóm ít như Đại học Vinh chỉ có 4 đối tác [5]. Kết quả khảo sát gần 1.400 cựu sinh viên từng tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục trong Dự án cho thấy: có 72,8% cho rằng có thể đáp ứng được các nhu cầu của nhà tuyển dụng; 75,5% cho rằng “công việc thực tập thật sự có ích cho công việc đang làm”. Chính điều này giúp sinh viên tự tin, năng động và tìm kiếm được việc làm đúng với sở trường và ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, các nội dung hợp tác khác và ở các cấp độ sâu hơn theo xu hướng hội nhập và chia sẻ nguồn lực cùng phát triển trong hợp tác với doanh nghiệp còn hạn chế.

2.1. Kết quả hợp tác điển hình ở một số đại học

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, xuất phát từ nhu cầu đổi mới sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, nhu cầu đổi mới trong quản trị đại học và sự mong muốn của cá nhân các nhà khoa học, nhiều cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, đặc biệt là khối kỹ thuật đã có những mô hình hợp tác và triển khai với các doanh nghiệp và doanh nhân với các kết quả đa dạng. Có thể kể đến một số trường hợp triển khai có kết quả trong hợp tác đại học - doanh nghiệp dưới đây:

- Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một trong hai Đại học Quốc gia đã triển khai hiệu quả các mô hình liên kết ở hai cấp: liên kết trường - viện thuộc hệ thống ĐHQGHN, mô hình phòng thí nghiệm “phối thuộc” liên kết giữa trường đại học thành viên với viện nghiên cứu và doanh nghiệp bên ngoài ĐHQGHN; liên kết giữa ĐHQGHN với các doanh nghiệp và địa phương để thúc đẩy hợp tác giữa các đơn vị

thành viên và nhà khoa học với các doanh nghiệp. Các phòng thí nghiệm theo mô hình “phối thuộc” tại Trường Đại học Công nghệ đã tạo điều kiện tốt hơn cho người học tiếp xúc với thực tế và tăng năng lực nghiên cứu, thực hành trong điều kiện nhà trường chưa đủ kinh phí đầu tư phòng thí nghiệm hiện đại cho các lĩnh vực.

Trong giai đoạn từ 2011-2015, thông qua hợp tác toàn diện đã ký kết với các tập đoàn và doanh nghiệp lớn (Dầu khí, Viettel, VinGroup, AIC, BRG...), bình quân mỗi năm đã có gần 1.500 lượt cán bộ và trên 1.200 lượt sinh viên được trao đổi với nước ngoài, hàng nghìn sinh viên bậc đại học được trao học bổng từ các doanh nghiệp với tổng giá trị 5 tỷ đồng/năm; các nhà khoa học và các đơn vị thuộc ĐHQGHN triển khai hàng chục đề tài/chương trình/dự án lớn phục vụ cộng đồng và theo đặt hàng của các doanh nghiệp. Với lợi thế về vị thế và địa vị pháp lý cao, trong giai đoạn 2011-2015, ĐHQGHN nhận tài trợ nhiều trang thiết bị, cơ sở vật chất và học bổng. Tuy nhiên, tính bình quân thì doanh thu từ các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp đặt hàng chiếm chưa đến 30% tổng nguồn thu từ các hoạt động hợp tác [13]. Hợp tác với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong R&D đạt mức cao nhất vào các năm 2012, 2013 với 4 đề tài nghiên cứu, tổng kinh phí 10 tỷ đồng. Nhưng tất cả các đề tài này đều do các nhà khoa học thuộc các đơn vị trong ĐHQGHN nhận trực tiếp từ Tập đoàn thông qua hợp đồng.

- Hợp tác giữa Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (ĐHBKHN), một trường đại học trọng điểm thực hiện với Công ty Bóng đèn phích nước Rạng Đông trong R&D, chuyển giao công nghệ là một hợp tác tiêu biểu, nhiều đề tài, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, hai phòng thí nghiệm chung (01 đặt tại Rạng Đông và 01 tại Trường) đã hình thành góp phần tạo nên sự tăng trưởng vượt bậc của Rạng Đông trong sản xuất - kinh doanh. Đặc biệt là mô hình BK Holding (BKH) gồm hệ thống các doanh nghiệp: 8 công ty thành viên, 1 chương trình hợp tác đào tạo và 2 trường đào tạo (Cao đẳng và Trung học phổ thông) do Trường ĐHBKHN góp vốn sáng lập và cử người tham gia hội

đồng quản trị. BKH đóng vai trò cầu nối hợp tác, kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp và cá nhân cho các nhà khoa học và nhà trường khi có nhu cầu phát triển sản phẩm, thương mại hóa hoặc đầu tư nghiên cứu ban đầu về công nghệ. Điểm đặc biệt là Trường ĐHBK hoặc các đơn vị, cá nhân trong trường có thể góp vốn vào các doanh nghiệp này bằng chính “sáng kiến, quy trình công nghệ và sở hữu trí tuệ”. Kết quả sản xuất - kinh doanh của BKH tăng đều hàng năm từ năm 2009 đến nay về doanh thu, chia cổ tức và đóng góp doanh thu cho nhà trường từ lợi nhuận. Năm 2013, BKH đã chia trên 3 tỷ đồng cổ tức, chuyển về nhà trường gần 5 tỷ đồng chi phí sử dụng cơ sở vật chất và trên 8 tỷ đồng lợi nhuận [14].

- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thuộc Bộ Công Thương được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Công nghiệp năm 2006 đã quan tâm hợp tác, liên kết với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài từ năm 2008 tới nay thông qua việc thành lập Trung tâm Đánh giá kỹ năng nghề và Quan hệ doanh nghiệp và các trung tâm, doanh nghiệp. Đây là các đơn vị đầu mối tiếp nhận, triển khai các hoạt động phát triển hợp tác với doanh nghiệp, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và đánh giá kỹ năng nghề nhằm khép kín chu trình đào tạo, nâng cao chất lượng và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao theo chương trình hợp tác với các doanh nghiệp. Công ty Đào tạo và Cung ứng nhân lực được thành lập từ năm 2000 là doanh nghiệp được chuyển đổi theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước hoạt động chủ yếu ở các lĩnh vực: xuất khẩu lao động; bồi dưỡng và đào tạo nghề ngắn hạn theo hợp đồng với doanh nghiệp, cá nhân; dịch vụ tư vấn du học và du lịch lữ hành.

- Trường Đại học Xây dựng đã ký kết các thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và Tổng Công ty Viglacera nhằm đưa tiến bộ về công nghệ, vật liệu mới vào đào tạo và nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn. Theo đó, sinh viên được tiếp nhận tới tham quan, thực tập tại các cơ sở sản xuất của Viglacera; các giảng viên

nắm bắt được định hướng yêu cầu năng lực đối với kỹ sư ngành kỹ thuật vật liệu xây dựng; tạo cơ hội để giảng viên phát huy thế mạnh triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học; hai bên phối hợp xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động công nghệ cao của doanh nghiệp. Viglacera tài trợ toàn bộ chi phí mời, thuê chuyên gia, giảng viên và kinh phí xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình và cấp học bổng cho các sinh viên thuộc chương trình hợp tác này. Đặc biệt, để tăng cường các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ, Trường Đại học Xây dựng đã hình thành 13 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và 2 doanh nghiệp. Các viện hoạt động và hạch toán riêng như mô hình doanh nghiệp. Tổng doanh số của các đơn vị này giảm dần từ năm 2011 trở lại đây: năm 2011 đạt 203 tỷ đồng; năm 2015 đạt gần 68 tỷ đồng [15], nhưng các đơn vị này có vai trò cầu nối trong hợp tác với các doanh nghiệp.

- Trường Đại học Nông Lâm thuộc Đại học Huế là một trong những trường đại học đầu tiên được chọn thí điểm mô hình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng thuộc dự án POHE vào năm 2005. Thông qua chương trình này, Trường đã hợp tác với trên 500 doanh nghiệp trong và ngoài nước (Lào, Campuchia, Thái Lan...), giúp sinh viên có cơ hội trực tiếp tham gia các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; tăng cơ hội việc làm sau khi sinh viên tốt nghiệp [5]. Ngoài ra, Trường cũng đã hình thành 4 trung tâm và 1 viện nghiên cứu để thực hiện chức năng triển khai nghiên cứu ứng dụng, hợp tác và phát triển.

- Đại học Thái Nguyên, một trong 3 đại học vùng đã tăng cường hợp tác trong và ngoài nước, trong đó có các hợp tác cụ thể với doanh nghiệp nước ngoài đóng ở Việt Nam. Năm 2015, Công ty Samsung Việt Nam đặt phòng Lab nghiên cứu - đào tạo có giá trị đầu tư trên 40.000 USD tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, thể hiện cam kết của hãng trong hợp tác phát triển nguồn nhân lực, giúp sinh viên chuyên ngành công nghệ thông tin được tiếp cận và trải nghiệm những

công nghệ mới nhất. Các doanh nghiệp như Samsung cũng thể hiện sự nỗ lực liên kết với các đại học, gắn đào tạo với hoạt động sản xuất - kinh doanh giống như một số doanh nghiệp nước ngoài làm ăn lâu dài ở Việt Nam. Văn phòng hợp tác Đại học Thái Nguyên và Công ty TNHH Minami Fuji đặt tại Đại học Thái Nguyên minh chứng sự quyết tâm tăng cường hợp tác lâu dài giữa hai bên trong thời gian gần đây. Văn phòng có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tư vấn, đào tạo và định hướng nghề nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, đồng thời hỗ trợ xúc tiến các đề án, chương trình hợp tác toàn diện giữa hai bên.

2.2. Đánh giá chung

Hợp tác đại học - doanh nghiệp ở Việt Nam thời gian vừa qua còn mang tính “chấp vá” cả về phương thức, thời hạn và nội dung. Các hợp tác (nếu có), kể cả hợp tác toàn diện đã được các tập đoàn và đại học lớn như Đại học Quốc gia ký kết, còn mang tính ngắn hạn, được triển khai trong giai đoạn ngắn hạn hoặc có tính “nhiệm kỳ”. Chưa có các hợp tác đạt được thành công mang tính dài hạn giữa các bên trong khoảng 10 năm trở lại đây. Một nghiên cứu mới đây của Công ty T&C Consulting cũng cho thấy: Hầu hết các hợp tác xuất phát từ nhu cầu trước mắt, kế hoạch ngắn hạn của doanh nghiệp chứ không phải là từ kế hoạch chiến lược dài hạn của họ (78% so với 22%); mức độ hợp tác chủ yếu là ở “sự hiểu biết phát triển ban đầu” và là các “hợp tác ngắn hạn”; trong số hơn 400 doanh nghiệp, chỉ có 47 trường hợp coi các đại học là “đối tác lâu dài” và “đối tác chiến lược” của các doanh nghiệp [3].

Về phương thức, các đại học chủ yếu thực hiện hình thức nhận tài trợ từ doanh nghiệp. Số liệu trong 5 năm qua về hợp tác của ĐHQGHN và các trường hợp được khảo sát cho thấy: kinh phí thu về từ các tài trợ và hỗ trợ về vật chất, học bổng cho sinh viên chiếm trên 70%, doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học theo đặt hàng của các doanh nghiệp chiếm thấp hơn 30% tổng các nguồn thu. Số lượng các phát minh, sáng chế và công nghệ được các đại học chuyển giao cho

các doanh nghiệp rất hạn chế. Xét về số lượng các ký kết hợp tác và số lượng các đối tác, các đại học có xu hướng tăng nhanh về mặt số lượng, tuy nhiên số đối tác là doanh nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp. Ví dụ điển hình về hoạt động hợp tác và phát triển đối tác của Đại học Thái Nguyên thời gian gần đây cho thấy: trong số trên 200 tổ chức, đơn vị quốc tế có thỏa thuận hợp tác với đại học này (129 tổ chức quốc tế và 29 tổ chức nước ngoài tại Việt Nam) chỉ có 3 doanh nghiệp có ký kết hợp tác chính thức [16].

Về nội dung, hợp tác thời gian qua của các đại học chủ yếu là ở hoạt động đào tạo, cung ứng lao động cho doanh nghiệp. Hợp tác trong nghiên cứu khoa học công nghệ còn hạn chế và chưa theo kịp xu thế của thế giới (các trường đại học thực hiện theo đặt hàng của doanh nghiệp và thị trường, sản phẩm khoa học công nghệ thuộc sở hữu chung, hai bên cùng phát triển để thương mại hóa). Theo Hà Văn Hoàng (2011), các hợp tác này còn mang tính chất tự phát [9]. Thực tế hợp tác ở các đại học lớn nêu trên cho thấy tỷ trọng chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và các hợp đồng thương mại hóa ứng dụng kết quả nghiên cứu và thực tiễn sản xuất - kinh doanh chiếm tỷ lệ rất thấp so với các hoạt động khác. Doanh thu của các doanh nghiệp trong đại học, kể cả BKH ở Trường ĐHBKHN vẫn có tỷ trọng lớn nhất từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ tư vấn. Các doanh nghiệp trong đại học chưa phát huy rõ nét lợi thế nắm giữ công nghệ mới và quyền sáng chế.

2.3. Một số tồn tại và nguyên nhân

- Các đại học và doanh nghiệp chưa coi các hợp tác giữa hai bên là phương tiện, giải pháp đóng góp vào sự phát triển để thực hiện chiến lược của mỗi bên.

- Vai trò thúc đẩy hợp tác lớn nhất vẫn là lãnh đạo hai bên, đặc biệt là lãnh đạo doanh nghiệp và cựu sinh viên, chưa được xây dựng trên cơ sở những cam kết có tính chất lâu dài và bền vững giữa các bên.

- Nhiều nhà lãnh đạo các trường đại học chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm,

công nghệ mới đến doanh nghiệp. Hơn nữa, kinh phí thu được từ các hoạt động này chưa lớn, do vậy lãnh đạo các đại học chưa chủ động, tích cực thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp.

- Ngược lại, đối với nhiều doanh nghiệp, các trường đại học chưa phải là địa chỉ hấp dẫn để tìm kiếm sự đổi mới, sáng tạo; phần lớn các doanh nghiệp chưa tin tưởng kết quả áp dụng vào thực tiễn sản xuất - kinh doanh từ các ý tưởng của các nhà khoa học trong đại học.

Nguyên nhân của các tồn tại nêu trên là:

- Phần lớn các chương trình nghiên cứu và nguồn thu chủ yếu của trường đại học đều được cấp bởi ngân sách nhà nước. Một mặt, nhiều sản phẩm nghiên cứu chưa gắn liền với ứng dụng thực tiễn. Mặt khác, các đại học và các nhà khoa học chủ yếu tập trung vào nghiên cứu khoa học theo đặt hàng ở giai đoạn nghiên cứu cơ bản vì không có rủi ro.

- Hoạt động khởi nghiệp, một trong những động lực quan trọng khuyến khích hợp tác đại học - doanh nghiệp nhưng hiện nay đang gặp khó khăn trong triển khai do các bất cập trong thực hiện các vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ trên các phương diện: yếu kém trong thực thi, chưa có quy định rõ ràng về quyền lợi khi được ươm tạo thành công cho các bên; chưa có đủ mạng lưới chuyên gia và dịch vụ chuyên nghiệp nhằm phục vụ hoạt động ươm tạo doanh nghiệp.

- Lãnh đạo doanh nghiệp chưa sẵn sàng sẽ chia cổ phần (chủ sở hữu) và hợp tác kinh doanh và đầu tư vào R&D lâu dài với các trường đại học.

- Các trường đại học chưa chủ động hợp tác, chia sẻ thông tin và quyền sáng chế cho doanh nghiệp và doanh nhân.

2.4. Những rào cản và hạn chế về môi trường thực hiện

- Rào cản lớn nhất làm cho các hợp tác này chưa đi đến kết quả như mong muốn là: sự thiếu hụt thông tin và hiểu biết từ cả hai phía doanh nghiệp và trường đại học. Hầu hết các doanh nghiệp cũng cho biết họ không có đầu mối liên lạc với các đại học.

- Pháp luật về công chức, viên chức (cấm công chức, viên chức trong các đại học công lập

tham gia quản lý doanh nghiệp), các quy định khác của pháp luật và cơ chế quản lý hành chính trong các đại học công lập còn “cứng nhắc” đang “kìm hãm” sự chủ động tìm kiếm các đối tác là doanh nghiệp và phát triển các hợp tác nhằm mang nguồn lợi về cho các đại học.

- Các quy định pháp lý và chính sách, cơ chế nhằm xây dựng hệ sinh thái ưu tiên các hoạt động khởi nghiệp, sản xuất thử và xây dựng vườn ươm công nghệ trong các đại học chưa hình thành đầy đủ làm giảm ưu thế vốn có của các đại học khi liên kết với các doanh nghiệp.

- Các chính sách về R&D, ứng dụng công nghệ chưa có sự ưu tiên và đãi ngộ thiết thực đối với các nhà khoa học trong đại học; đồng thời thị trường khoa học công nghệ chưa phát triển khiến cho hoạt động hợp tác này chưa được khởi thông.

3. Một số khuyến nghị

3.1. Đối với Chính phủ

- Hoàn thiện hệ thống chính sách định hướng và điều chỉnh hoạt động liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp theo hướng: đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho hoạt động giáo dục; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đại học; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hợp tác nghiên cứu và phát triển công nghệ.

- Tạo lập kênh giao tiếp hay mạng lưới liên kết giữa các doanh nghiệp và các trường đại học (với vai trò thu thập, cập nhật dữ liệu, tư vấn và cung cấp các thông tin), đồng thời cải thiện các chương trình, các cơ chế hỗ trợ đối với doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và áp dụng công nghệ mới từ các hoạt động nghiên cứu của đại học.

- Ban hành cơ chế tài chính riêng, phù hợp với các doanh nghiệp khởi nghiệp và vườn ươm công nghệ trong trường đại học: không chỉ bao gồm tài chính có yếu tố rủi ro cao như quỹ đầu tư, mà cần sự ưu tiên cao từ các quỹ hỗ trợ của Nhà nước để thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

3.2. Đối với các bên trường đại học và doanh nghiệp

- Cần thay đổi nhận thức và quan điểm về hợp tác với nguyên tắc “hiều biết lẫn nhau và hai bên cùng có lợi ích từ hợp tác”; đồng thời có cơ chế để nhà khoa học không nên chỉ quan tâm đến bảo vệ tài sản trí tuệ hay bản quyền, ngược lại doanh nghiệp cũng không quá lo lắng giữ bí quyết công nghệ.

- Hai bên cần duy trì thường xuyên các kênh tiếp xúc và liên lạc, chia sẻ thông tin, ý tưởng thông qua bộ phận chuyên trách về hợp tác hoặc thông qua các dự án và các hoạt động chung, kể cả về kế hoạch phát triển để xây dựng hợp tác lâu dài có tính chiến lược.

- Kết hợp hài hòa các lợi ích và trách nhiệm trong triển khai hợp tác theo hướng: nhà trường ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và tư vấn về các vấn đề của doanh nghiệp; ngược lại, doanh nghiệp có định hướng, xây dựng kế hoạch đầu tư cho R&D và tiếp nhận kết quả để thương mại hóa. Doanh nghiệp đóng vai trò là nhà cung cấp thông tin, phân biệt để các trường đại học nắm được nhu cầu của thị trường công nghệ và thị trường lao động.

3.3. Đối với các trường đại học

- Xây dựng các chính sách, cơ chế và các quy định về hình thức, nội dung, cơ chế hợp tác và đãi ngộ, đồng thời khuyến khích nhà khoa học và cá nhân tham gia và tích cực khai thác các hợp tác với doanh nghiệp song song với việc đăng ký, xác lập và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp để có nguồn thu tái đầu tư cho nghiên cứu, phát triển.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp đối tác, tích cực tiếp cận nguồn vốn tài trợ và đầu tư nghiên cứu, sản xuất thử.

- Hỗ trợ khởi nghiệp, xúc tiến thành lập các doanh nghiệp theo mô hình công ty (sở hữu toàn bộ hay một phần) để khai thác các kết quả nghiên cứu, cung cấp dịch vụ và triển khai các ý tưởng kinh doanh, hợp tác, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp có uy tín.

- Chủ động mời các nhà quản lý, nhà khoa học giỏi từ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo, nghiên cứu của nhà trường, đồng thời quan tâm lựa chọn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có tinh thần doanh thương, có khát vọng kinh doanh để tham gia các chương trình, dự án khởi nghiệp và phát triển ý tưởng thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ.

3.4. Đối với các doanh nghiệp

- Cần nhìn nhận việc hợp tác, liên kết với đại học mang tính chiến lược: tìm cơ hội kinh doanh và đổi mới, sáng tạo, phục vụ mục tiêu phát triển lâu dài của chính doanh nghiệp.

- Tạo lập các chính sách nội bộ doanh nghiệp để thúc đẩy và xây dựng nền văn hóa sáng tạo trong doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động R&D tại doanh nghiệp.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, khuyến khích đội ngũ nhà khoa học ở các trường đại học tham gia vào các dự án và chia sẻ học thuật với doanh nghiệp.

4. Kết luận

Hợp tác đại học - doanh nghiệp là xu hướng tất yếu và nhu cầu tự thân mang lại lợi ích lâu dài cho các bên tham gia. Trong quá trình phát triển hợp tác này, Chính phủ đóng vai trò “bà đỡ”, tạo khung khổ pháp lý và các hỗ trợ, xúc tác về chính sách và cơ chế thực hiện. Tại Việt Nam, hợp tác đại học - doanh nghiệp và gần đây là khởi nghiệp trong đại học được quan tâm mạnh mẽ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các hoạt động này còn rất hạn chế: chưa đa dạng về loại hình, đặc biệt chưa đi vào chiều sâu; lợi ích mang lại còn rất nhỏ bé so với tiềm năng của các bên. Doanh nghiệp và đại học cần các chính sách và cơ chế giải phóng các nguồn lực của chính mình. Tinh thần doanh nghiệp trong đại học và tinh thần đổi mới, sáng tạo trong doanh nghiệp cần được khuyến khích và phát triển.

Tận dụng thời cơ hiện có, phát huy tiềm năng của các bên để cùng vượt qua thách thức của cạnh tranh hiện nay, cần có các giải pháp đồng bộ từ các bên và Nhà nước. Các khuyến

ngộ được đề xuất trong bài viết nhằm khắc phục các tồn tại, bất cập trong chính sách, khó khăn trong thực hiện ở cả ba góc độ: chính phủ, doanh nghiệp và đại học. Chính phủ cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để định hướng và điều chỉnh các hoạt động này. Khung pháp lý và cơ chế cho hoạt động của đại học và doanh nghiệp khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp, hệ sinh thái cởi mở hơn cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển của các đại học và các nhà khoa học cũng cần được hoàn thiện một cách đồng bộ. Trong khi đó, các đại học và doanh nghiệp cũng cần thay đổi nhận thức và quan điểm về hợp tác theo hướng tiếp cận mang tính chiến lược, có các cơ chế nội bộ thúc đẩy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp, chủ động hơn trong chia sẻ ý tưởng, thông tin để hiểu biết nhau, cùng tăng nhanh năng lực cạnh tranh của cả hai bên trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Science-to-Business Marketing Research Centre, “The State of European University-Business Cooperation: Final Report - Study on the cooperation between Higher Education Institutions and public and private organisations in Europe”, 2011, European Commission, <http://bookshop.europa.eu/en/the-state-of-european-university-business-cooperation-pbNC0213081/>
- [2] Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học & Công nghệ, “Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và liên hệ với Việt Nam”, <http://nistpass.gov.vn:81/tin-chien-luoc-chinh-sach/1241-lien-ket-giua-truong-dai-hoc-va-doanh-nghiep-kinh-nghiem-quoc-te-va-lien-he-voi-viet-nam.html>, truy cập ngày 15/8/2016.
- [3] Nguyễn Phương Anh, “Quan điểm của các doanh nghiệp trong hợp tác với trường đại học”, <http://www.tc-consulting.com.vn/vi/thu-vien/bai-viet-chuyen-gia/>, truy cập ngày 15/8/2016.
- [4] Science Business Innovation Board AISBL, “Making industry-university partnership work - Lessons from successful collaborations”, 2012.
- [5] Đoàn Văn Tình, “Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và liên hệ với Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, Số 13 (2015).
- [6] Minh Long, “Sự hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp”, <http://www.tinmoi.vn/Su-hop-tac-giua-truong-dai-hoc-va-doanh-nghiep-0118224.html>, truy cập ngày 15/8/2016.
- [7] Wilson, DL, “A Review of Business – University Collaboration”, 2012.
- [8] Jasmine Kway, “University and Industry Relations in Singapore”, người dịch: Phạm Thị Ly (2013), http://www.ntt.edu.vn/Documents/471_ban-tin-so-10--quan-he-nha-truong-doanh-nghiep-o-singapore.pdf, truy cập ngày 15/8/2016.
- [9] Hà Văn Hoàng, “Hợp tác phát triển khoa học và công nghệ giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tại Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, ngày 15/11/2011.
- [10] Trần Anh Tài, Trần Văn Tùng, Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội (2009).
- [11] Hà Văn Hội, “Hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu: Nhu cầu, lợi ích và biện pháp thực hiện”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tại Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, ngày 15/11/2011.
- [12] Rohrberck R., Arnold H.M., “Making university-industry collaboration work – A case study on the Deutsche Telekom Laboratories contrasted with finding in literature”, Proceedings of ISPIM Annual Conference of “Networks for Innovation”, Athens, Greece, 2006.
- [13] Đại học Quốc gia Hà Nội, Báo cáo tổng kết năm 2015 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2016.
- [14] Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Báo cáo kết quả hoạt động của BK Holding năm 2013.
- [15] Trường Đại học Xây dựng, Báo cáo tổng kết 5 năm 2011-2015.
- [16] Trường Đại học Thái nguyên, Danh sách các đơn vị, tổ chức quốc tế có hợp tác với Đại học Thái Nguyên, <http://tnu.edu.vn/Pages/tnu-thoathuanhoptac-tnustatic-24-tnusite-5~53.html>, truy cập ngày 15/8/2016.

University - Enterprise Cooperation in the International Context and Implications for Vietnam

Dinh Van Toan

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: University - enterprise cooperation is a popular trend in the world. It positively affects education, research and development activities in universities and optimally utilizes the parties' resources. Based on theoretical arguments, international experience and several domestic case studies, the paper analyses the current status, limitations, subjective causes of university-enterprise cooperation from both sides, analyze barriers due to government's policies and management; and provides possible solutions and recommendations to remove the barriers in order to promote cooperation and to enhance the effectiveness of universities in Vietnam, thus contributing to socio-economic development.

Keywords: University - Enterprise Cooperation, Vietnam.